

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23/6/2025.
Về việc: “Không công nhận là vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh và ông Lê Khải .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:36/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09/04/2025, về việc “Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06/06/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Mùi D, sinh năm 1992, có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Lý Tồn K, sinh năm 1990, vắng mặt.

Đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, nơi sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lý Mùi D trình bày: Chị Lý Mùi D và anh Lý Tồn K không đăng ký kết hôn mà tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng. Anh K và chị D chung sống với nhau từ năm

2006 cho đến hết năm 2019, anh K và chị D tự nguyện chung sống với nhau và không bị ép buộc.

Chị D và anh K có 02 con chung, cháu Lý Thị Mỹ D1 - sinh ngày 12/03/2007 và cháu Lý Đào C – sinh ngày 13/8/2009, cháu D1 học lớp 11 trường THPT K1 và cháu C đã bỏ học ở nhà phụ chị D làm rẫy. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị D – tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không có.

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa chị Lý Mùi D và anh Lý Tồn K phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh K đang sinh sống với người phụ nữ khác. Do không đăng ký kết hôn, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng nên nay chị D yêu cầu giải quyết không công nhận giữa chị D và anh K là vợ chồng.

Chị Lý Mùi D yêu cầu giải quyết: Không công nhận giữa chị D và anh K là vợ chồng. Về con chung: Chị Lý Mùi D có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lý Thị Mỹ D1 - sinh ngày 12/03/2007 và cháu Lý Đào C – sinh ngày 13/8/2009. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lý Tồn K: Qua xác minh, anh Lý Tồn K đang sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt của anh Lý Tồn K đã gây khó khăn cho giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. D2 chỉ, bị đơn anh Lý Tồn K không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, anh Lý Tồn K tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 9, 14, 15 và 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn và không công nhận chị Lý Mùi D và anh Lý Tồn K là vợ chồng. Giao cháu Lý Thị Mỹ D1 - sinh ngày 12/03/2007 và cháu Lý Đào C – sinh ngày 13/8/2009 cho chị Lý M Diết được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có và nguyên đơn

không yêu cầu giải quyết. Buộc chị Lý Mùi D chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, không công nhận là vợ chồng giữa nguyên đơn chị Lý Mùi D và anh Lý Tồn Kiều. Bị đơn anh Lý Tồn K đang sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lý Tồn K: Qua xác minh, anh Lý Tồn K đang sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông (đang sinh sống cùng với chị Hoàng Mùi C1). Tòa án nhân dân huyện Krông Nô kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong vụ án đối với anh Lý Tồn K nhưng vẫn vắng mặt không lý do và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của anh K không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh K đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, anh K phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2006 đến năm 2019, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh K là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vi phạm các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình

Trong quá trình chung sống giữa anh K và chị D xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hiện tại anh K đang sinh sống chung với người phụ nữ khác tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Do đó, chị D đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị D và anh K là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Lý Tồn K và chị Lý M Diết là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Con chung: Chị Lý M Diết xin được quyền nuôi dưỡng cháu Lý Thị Mỹ D1 - sinh ngày 12/03/2007 và cháu Lý Đào C – sinh ngày 13/8/2009, thể hiện trách nhiệm người mẹ với con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc với cháu D1 và cháu C, các cháu có nguyện vọng ở với chị D. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lý Đào C và cháu Lý Thị Mỹ D1 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý M Diết phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 9, 14, 15 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn của chị L Mùi Diết đối với anh Lý Tồn K về việc không công nhận quan hệ vợ chồng.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Lý Mùi D và anh Lý Tồn Kiều .

3. Về con chung: Giao cháu Lý Thị Mỹ D1 - sinh ngày 12/03/2007 và cháu Lý Đào C – sinh ngày 13/8/2009 cho chị Lý M Diết được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Lý Tồn K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị D không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đang sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Mùi D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008296 ngày 09/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã Đắk Drô, Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy